

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ YÊN BÁI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71 /2019/HSST

Ngày 28/11/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Băng và ông Vũ Quốc Thuận

- Thư ký phiên toà: Bà Tô Kim Hiên – Thư ký, Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Hoàng Anh Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 76/2019/HSST ngày 15/11/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXXST-HS ngày 15/11/2019 đối với bị cáo :

Trịnh Công M, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1984 tại Yên Bái; ĐKNKTT: Tổ 13, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; chỗ ở: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: công nhân trạm tiếp viên đường sắt Yên Bái; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: V Nam; con ông Trịnh Công T và bà Hoàng Thị N; vợ : Vũ Thị Thanh P, sinh năm 1992; có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; nhân thân (có 01 tiền án đã được xóa án tích): Bản án số 06/HSST ngày 11/3/2003 Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 02 năm tù về tội “ Cướp tài sản ”. Hiện bị cáo tại ngoại tại: Tại tổ dân phố Hồng Tân, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái; có mặt.

- Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Á, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Thắng L, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ 15, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ 11, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị Kim T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 13, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

+ Chị Hoàng Thị H, sinh năm: 1987, Địa chỉ: Thôn Đ - xã L - huyện T - tỉnh Yên Bái)

+ Chị Nguyễn Thị P1, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Minh X, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 5, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

+ Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1959; Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. vắng mặt.

+ Chị Vũ Thị Thanh P, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Phạm Ngọc H, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

+ Anh Lê Mạnh H1, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 12/2018 đến tháng 6/2019, nhằm thu lời bất chính, Trịnh Công M cho người dân vay lãi nặng. Bằng cách thức khi có người vay tiền, M yêu cầu người vay phải viết một giấy vay nợ nhưng không ghi số tiền lãi vào trong giấy tờ vay và M thu luôn tiền lãi tháng đầu tiên trừ vào số tiền vay. Tiền lãi M tính theo ngày, thu tiền lãi theo tháng, mỗi tháng tính là 30 ngày, người vay tiền ngày nào của tháng trước thì đúng ngày đó của những tháng sau phải trả tiền lãi cho M, cụ thể:

1. Ngày 28/12/2018, anh Nguyễn Quốc V (SN: 1978, HKTT: Thôn Đ - xã A - thành phố Y - Yên Bái) đến nhà Trịnh Công M hỏi cho vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), M đồng ý và thỏa thuận với anh V lấy với lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Mỗi tháng anh V phải trả cho M 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng M thỏa thuận chỉ tính 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng). Anh V đã trả tiền lãi cho M đến ngày 28/3/2019 với tổng số tiền là: 2.200.000đ x 3 tháng = 6.600.000đ (Sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng) và anh V vay tiếp M số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) cùng với lãi suất 5.000đ/1 triệu/ 1 ngày, tổng số tiền gốc anh V vay của M là 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng). Mỗi tháng anh V phải trả M 3.300.000đ NH M chỉ lấy 3.200.000đ/1 tháng. Anh V đã trả cho M 03

tháng tiền lãi = 9.600.000đ (Chín triệu, sáu trăm nghìn đồng). Đến nay anh V đã trả hết toàn số tiền 22.000.000đ tiền gốc cho M.

2. Ngày 04/01/2019, anh Nguyễn Thắng L (SN: 1978, HKTT: Tổ 15, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái) gọi điện cho Trịnh Công M hỏi cho vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), M đồng ý và thỏa thuận với anh L lãi suất là 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Mỗi tháng anh L phải trả cho M 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi. Anh L đã trả cho M 03 tháng tiền lãi đối với khoản vay này đến ngày 04/4/2019 là 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 24/4/2019, anh L tiếp tục vay thêm của M 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) cùng với lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, tổng số tiền anh L vay của M là 160.000.000đ, mỗi tháng phải trả M 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng), trả lãi vào ngày 24 hàng tháng, còn đối với số tiền lãi của khoản vay 30.000.000đ từ ngày 04/4/2019 đến ngày 24/4/2019 M không lấy của anh L. Ngày 24/5/2019, anh L trả cho M 20.500.000đ (Hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi, còn nợ 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Khi bị triệu tập đến cơ quan điều tra để làm việc về hành vi cho vay lãi nặng, M không thu tiền lãi của anh L từ ngày 24/5/2019 và cũng không thu số tiền lãi 3.500.000đ anh L còn nợ M tháng trước đó. Đến nay, anh L đã trả hết toàn bộ số tiền 160.000.000đ tiền gốc cho M.

3. Ngày 11/01/2019, chị Nguyễn Thị Bích H (SN: 1981, HKTT: Tổ 11, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái) đến gặp và hỏi vay Trịnh Công M cho số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). M đồng ý và cùng thỏa thuận với chị H tính lãi suất là 3.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương mỗi tháng chị H phải trả cho M 22.500.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho khoản vay này. Chị H đã trả lãi cho M được 05 tháng với khoản vay này là 112.500.000 đồng. Đến ngày 29/3/2019, chị H tiếp tục vay của M số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) cũng với lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày, chị H đã trả cho khoản vay này 03 tháng tiền lãi với số tiền 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Đến nay, chị Bích H đã trả hết toàn bộ số tiền 300.000.000đ tiền gốc cho M.

4. Ngày 25/01/2019, chị Phạm Thị Kim T (SN: 1989, HKTT: Tổ 13, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái) gọi điện cho Trịnh Công M cho vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), M đồng ý và cùng nhau thỏa thuận với lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, mỗi tháng chị T phải trả cho M 6.000.000đ tiền lãi. Chị T đã trả cho M 05 tháng tiền lãi là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Đến nay, chị T chưa trả cho M số tiền gốc là 30.000.000đ.

5. Ngày 18/4/2019, chị Hoàng Thị H (SN: 1987, HKTT: Thôn Đoàn Kết - xã Lương Thịnh - huyện Trấn Yên - tỉnh Yên Bái) đến nhà anh Lê M H1, sinh năm 1974, trú tại tổ dân phố 4, phường H, thành phố Y xin số điện thoại của M để hỏi vay tiền của M, sau khi xin được số điện thoại chị H gọi cho M hỏi vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), M đồng ý và thỏa thuận với chị H sẽ lấy lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, chị H đồng ý. Sau đó chị

H đã trả cho M 2 tháng tiền lãi = 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), sau đó M không thu tiền lãi của chị H nữa. Đến nay, chị Hoàng Thị H đã trả hết toàn bộ số tiền 40.000.000đ tiền gốc cho M.

6. Ngày 29/4/2019, bà Nguyễn Thị P1 (SN: 1960, HKTT: Tổ 4 - phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái) gọi điện cho Trịnh Công M hỏi vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), M đồng ý và bảo sẽ lấy với mức lãi 6.000đ/ 1 triệu/1 ngày, mỗi tháng bà P1 phải trả M 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi. M trừ luôn tiền lãi tháng đầu tiên vào tiền gốc khi cho bà P1 vay tiền. Ngày 29/5/2019, bà P1 trả M 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng tiền gốc) và trả 3.600.000đ tiền lãi một tháng của số tiền 20.000.000đ còn lại. Tổng số tiền lãi bà P1 đã trả cho M là 10.800.000đ (Mười triệu tám trăm nghìn đồng). Đến nay, bà P1 đã trả hết toàn bộ số tiền 40.000.000đ tiền gốc cho M.

7. Ngày 05/6/2019, do cần tiền sử dụng vào công việc nhà, qua bạn bè giới thiệu anh Nguyễn Minh X (SN: 1977, HKTT: Tổ 5 - phường H - thành phố Y - tỉnh Yên Bái) đến nhà Trịnh Công M hỏi vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), M đồng ý và thỏa thuận với anh X sẽ lấy lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, anh X đồng ý. Anh X đã trả cho M 1 tháng tiền lãi 4.500.000đ tiền lãi, sau đó M không thu tiền lãi của anh X nữa. Đến nay, anh X chưa trả cho M số tiền gốc là 30.000.000đ.

Cách tính tiền thu lời bất chính của tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự ” vượt quá theo quy định tại Điều 468 BLDS được tính như sau:

$A = B - [5 \times (20\% : 12) \times C]$. Trong đó: 20% là phần trăm vay tối đa trên 01 năm theo thỏa thuận; 12 là số tháng trong năm; 5 là số lần được phép lãi xuất trong giao dịch dân sự. (A là số tiền thu lời bất chính tháng, B là tiền lãi thu được của khoản vay tháng, C là số tiền vay thực tế tháng).

Theo cách tính trên, xác định:

* Số tiền Trịnh Công M thu lời bất chính đối với anh Nguyễn Quốc V được tính là:

Đối với khoản vay 15.000.000 đồng M thu lời bất chính, tính từ ngày 28/12/2018 đến 28/3/2018 (03 tháng) là: $[2.200.000 - (5 \times 1,67\% \times 15.000.000)] \times 3 \text{ tháng} = 2.842.500\text{đ}$.

Đối với khoản vay 22.000.000 đồng M thu lời bất chính, tính từ ngày 28/3/2018 đến 28/6/2018 (03 tháng) là: $[3.200.000 - (5 \times 1,67\% \times 22.000.000)] \times 3 \text{ tháng} = 4.089.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền M đã thu L bất chính khi cho anh Nguyễn Quốc V vay tiền là: $2.842.500 + 4.089.000 = 6.931.500\text{đ}$ (Sáu triệu chín trăm ba mươi một nghìn năm trăm đồng).

* Số tiền Trịnh Công M thu lời bất chính đối với anh Nguyễn Thắng L được tính là:

Đối với khoản vay 30.000.000đ từ ngày 04/1/2019 đến ngày 04/4/2019 (03 tháng), M đã thu L bất chính: $[4.500.000đ - (5 \times 1,67\% \times 30.000.000đ)] \times 3$ tháng = 5.985.000đ (Năm triệu chín trăm tám mươi năm nghìn đồng).

Đối với khoản vay 160.000.000đ, anh L đã trả 01 tháng tiền lãi với số tiền 20.500.000đ, Trịnh Công M đã thu L bất chính: $[20.500.000đ - (5 \times 1,67\% \times 160.000.000đ)] = 7.140.000đ$ (Bảy triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền M đã thu L bất chính khi cho anh L vay tiền là: 5.985.000đ + 7.140.000đ = 13.125.000đ (Mười ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

* Số tiền Trịnh Công M thu lời bất chính từ việc cho vay lãi đối với chị Nguyễn Thị Bích H được tính là:

Đối với khoản vay 250.000.000đ, H đã trả lãi cho M được 05 tháng, số tiền M đã thu L bất chính là: $[22.500.000đ - (5 \times 1,67\% \times 250.000.000đ)] \times 5$ tháng = 8.125.000đ (tám triệu một trăm hai mươi năm nghìn đồng),

Đối với khoản vay 50.000.000đ, chị H đã trả lãi cho M được 03 tháng, số tiền M đã thu L bất chính là: $[4.500.000đ - (5 \times 1,67\% \times 50.000.000đ)] \times 3$ tháng = 975.000đ (Chín trăm bảy mươi năm nghìn đồng). Như vậy tổng số tiền lãi mà chị H đã trả cho M là: 126.000.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Tổng số tiền M đã thu L bất chính khi cho chị H vay tiền là: 8.125.000đ + 975.000đ = 9.100.000đ (chín triệu một trăm nghìn đồng).

* Số tiền Trịnh Công M thu lời bất chính từ việc cho vay lãi đối với chị Phạm Thị Kim T là: $[6.000.000đ - (5 \times 1,67\% \times 40.000.000đ)] \times 5$ tháng = 13.300.000đ (Mười ba triệu ba trăm nghìn đồng).

- Số tiền Trịnh Công M thu lời bất chính từ việc cho vay lãi đối với chị Hoàng Thị H là: Số tiền M đã thu L bất chính khi cho chị H vay tiền là: $[6.000.000đ - (5 \times 1,67\% \times 40.000.000đ)] \times 2$ tháng = 5.320.000đ (Năm triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

* Số tiền Trịnh Công M thu lời bất chính từ việc cho vay lãi đối với anh Nguyễn Minh X là: $4.500.000đ - (5 \times 1,67\% \times 30.000.000đ) = 1.995.000đ$ (Một triệu chín trăm chín mươi năm nghìn đồng).

* Số tiền Trịnh Công M thu lời bất chính từ việc cho vay lãi đối với bà Nguyễn Thị P1 là:

Đối với khoản vay 40.000.000 đồng M thu lời bất chính, tính từ ngày 29/4/2018 đến 29/5/2018 (01 tháng) là: $[7.200.00đ - (5 \times 1,67\% \times 40.000.000đ)] = 3.860.000 đ$.

Đối với khoản vay 20.000.000 đồng M thu lời bất chính, tính từ ngày 29/5/2018 đến 29/6/2018 (03 tháng) là: $[3.600.00đ - (5 \times 1,67\% \times 20.000.000đ)] \times 3$ tháng = 1.930.000 đồng.

Tổng số tiền M đã thu L bất chính khi cho bà Nguyễn Thị P1 vay tiền là: 3.860.000 đ+ 1.930.000 đ= 5.790.000đ (Năm triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền Trịnh Công M đã thu lời bất chính từ việc cho các đối tượng vay lãi như đã nêu trên là: 55.561.500 đồng (Năm năm triệu năm trăm sáu một nghìn năm trăm đồng).

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Yên Bái đã tạm giữ: 01 chiếc điện thoại Iphone 6, màu ghi bạc và số tiền 60.000.000 đồng khi khám xét người địa điểm chỗ ở của Trịnh Công M.

Cáo trạng số: 72/CT-VKS-TP ngày 15/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái truy tố Trịnh Công M về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trịnh Công M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201, Điều 35, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trịnh Công M từ: 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Về biện pháp tư pháp và vật chứng; Căn cứ Điều 46; Điều 47; Điều 106 Bộ luật Hình sự:

Truy thu của bị cáo Trịnh Công M sung công quỹ Nhà nước khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội tương ứng với lãi suất 20% (1,67%/ tháng).

Buộc bị cáo phải trả cho những người vay tiền khoản tiền thu lãi tương ứng với lãi suất trên 20% là khoản tiền của bị cáo thu lời bất chính của người vay, quá trình điều tra xác định những người vay tiền không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp.

Không tịch thu số tiền cho vay (tiền gốc) Trịnh Công M đã sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, do đây là tài sản (tiền) riêng của chị Vũ Thị Thanh P, chị P không biết việc bị cáo sử dụng trái phép số tiền này vào việc phạm tội.

Buộc chị Phạm Thị Kim T phải trả cho chị Vũ Thị Thanh P số tiền 40.000.000đồng. Anh Nguyễn Minh X phải trả cho chị Vũ Thị Thanh P số tiền 30.000.000đồng. Là khoản tiền hợp pháp của chị P bị cáo M sử dụng trái phép vào việc cho chị T và anh X vay lãi nặng.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại Iphone 6 màu ghi bạc.

Bị cáo, người có quyền L và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo Trịnh Công M thành khẩn khai nhận hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự như đã nêu trên. Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền L và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ được thu thập đánh giá. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận:

Trong thời gian từ tháng 12 năm 2018 đến tháng 6 năm 2019, Trịnh Công M đã liên tục cho chị Nguyễn Thị Bích H, Hoàng Thị H, Phạm Thị Kim T, anh Nguyễn Minh X, Nguyễn Quốc V, Nguyễn Thắng L và bà Nguyễn Thị P1 vay tiền với lãi suất cao để thu lời bất chính; cụ thể: M đã cho anh Nguyễn Quốc V vay với mức lãi xuất 180%/ 01 năm, cao gấp 09 lần so với lãi xuất cao nhất trong giao dịch dân sự thu lời bất chính số tiền 6.931.500 đồng; cho anh Nguyễn Thắng L vay với mức lãi xuất 180%/ 01 năm, cao gấp 09 lần so với lãi xuất cao nhất trong giao dịch dân sự thu lời bất chính số tiền 13.125.000 đồng; cho chị Nguyễn Thị Bích H vay với mức lãi xuất 108%/ 01 năm, cao gấp 5,4 lần so với lãi xuất cao nhất trong giao dịch dân sự thu lời bất chính số tiền 9.100.000 đồng; cho chị Phạm Thị Kim T vay với mức lãi xuất 180%/ 01 năm, cao gấp 09 lần so với lãi xuất cao nhất trong giao dịch dân sự thu lời bất chính số tiền 13.300.000 đồng; cho chị Hoàng Thị H vay với mức lãi xuất 180%/ 01 năm, cao gấp 09 lần so với lãi xuất cao nhất trong giao dịch dân sự thu lời bất chính số tiền 5.320.000 đồng; cho anh Nguyễn Minh X vay với mức lãi xuất 180%/ 01 năm, cao gấp 09 lần so với lãi xuất cao nhất trong giao dịch dân sự thu lời bất chính số tiền 1.995.000 đồng và cho bà Nguyễn Thị P1 vay với mức lãi xuất 216%/ 01 năm, cao gấp 10,8 lần so với lãi xuất cao nhất trong giao dịch dân sự thu lời bất chính số tiền 5.790.000 đồng. Tổng số tiền Trịnh Công M đã thu lời bất chính từ việc cho vay trên là: 55.561.500 đồng (*Năm năm triệu năm trăm sáu một nghìn năm trăm đồng*). Hành vi của bị cáo Trịnh Công M đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao

dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến L ích của công dân, gây mất trật tự, trị an và an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải đưa bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4]. Xét nhân thân: Bị cáo Trịnh Công M là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nH bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần có hình phạt thoả đáng tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[5]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét :

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[6] Xét nhân thân: Bị cáo có 01 tiền án đã được xoá án tích. Tội phạm mà bị cáo thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng, bị cáo thực hiện tội phạm vì mục đích L nhuận nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

[7]. Các biện pháp tư pháp và vật chứng

Đối với số tiền gốc bị cáo Trịnh Công M cho vay lãi nặng là 632 triệu đồng, xác định là tài sản riêng hợp pháp của chị Vũ Thị Thanh P, chị P không biết bị cáo sử dụng trái phép vào việc phạm tội nên không tịch thu đối với số tiền này.

Bị cáo đã trả cho chị Vũ Thị Thanh P số tiền gốc của những người vay đã trả cho bị cáo gồm : Anh Nguyễn Quốc V 22 triệu đồng, anh Nguyễn Thắng L 160 triệu đồng, chị Nguyễn Thị Bích H 300 triệu đồng, chị Hoàng Thị H 40 triệu đồng, bà Nguyễn Thị Phương 40 triệu đồng . Tổng cộng là: 562 triệu đồng.

Đối với số tiền gốc bị cáo cho chị Phạm Thị Kim T vay 40 triệu đồng và anh Nguyễn Minh X vay 30 triệu đồng. Số tiền này hiện chị T và anh X vẫn đang sử dụng. Nguồn gốc số tiền là của chị Vũ Thị Thanh P bị cáo M sử dụng trái phép cho vay lãi nặng . Nên cần buộc chị Phạm Thị Kim T phải trả cho chị P số tiền 40.000.000đồng. Anh Nguyễn Minh X phải trả cho chị P số tiền 30.000.000đồng.

Đối với khoản tiền lãi xuất tương ứng với lãi xuất 20% (1,67% / tháng) là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước tổng số tiền là 35.587.000 đồng, cụ thể:

- Khoản vay của anh Nguyễn Quốc V lần 1 vay 15 triệu trong 03 tháng = $(1,67\% \times 15 \text{ triệu}) \times 03 \text{ tháng} = 751.500 \text{ đồng}$; khoản vay lần 2 trong 03 tháng với số tiền 22 triệu = $(1,67\% \times 22 \text{ triệu}) \times 03 \text{ tháng} = 1.102.000 \text{ đồng}$; tổng là: 1.853.000 đồng.

- Khoản vay của anh Nguyễn Thắng L lần 1 vay 30 triệu trong 03 tháng = $(1,67\% \times 30 \text{ triệu}) \times 03 \text{ tháng} = 1.503.000 \text{ đồng}$; khoản vay lần 2 trong 01 tháng với số tiền 160 triệu = $(1,67\% \times 160 \text{ triệu}) \times 01 \text{ tháng} = 2.672.000 \text{ đồng}$; tổng là: 4.175.000 đồng.

- Khoản vay của anh Nguyễn Thị Bích H lần 1 vay 250 triệu trong 03 tháng = $(1,67\% \times 250 \text{ triệu}) \times 03 \text{ tháng} = 20.875.000 \text{ đồng}$; khoản vay lần 2 trong 03 tháng với số tiền 50 triệu = $(1,67\% \times 50 \text{ triệu}) \times 03 \text{ tháng} = 2.505.000 \text{ đồng}$; tổng là: 23.380.000 đồng.

- Khoản vay của chị Phạm Thị Kim T vay số tiền 40 triệu trong 05 tháng = $(1,67\% \times 40 \text{ triệu}) \times 05 \text{ tháng} = 3.340.000 \text{ đồng}$.

- Khoản vay của chị Hoàng Thị H vay số tiền 40 triệu trong 02 tháng = $(1,67\% \times 40 \text{ triệu}) \times 02 \text{ tháng} = 1.336.000 \text{ đồng}$.

- Khoản vay của anh Nguyễn Minh X vay số tiền 30 triệu trong 01 tháng = $(1,67\% \times 30 \text{ triệu}) \times 01 \text{ tháng} = 501.000 \text{ đồng}$.

Khoản vay của bà Nguyễn Thị P1 vay lần 1 số tiền 40 triệu trong 01 tháng với số tiền 40 triệu = $(1,67\% \times 40 \text{ triệu}) \times 01 \text{ tháng} = 668.000 \text{ đồng}$, khoản vay lần 2 trong 01 tháng với số tiền 20 triệu = $(1,67\% \times 20 \text{ triệu}) \times 01 \text{ tháng} = 334.000 \text{ đồng}$, tổng là 1.002.000 đồng

Đối với khoản tiền thu lãi tương ứng với lãi xuất trên 20% là khoản tiền bị cáo thu lời bất chính của người vay, quá trình điều tra xác định những người vay tiền không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp nên cần trả lại cho người vay tiền; cụ thể:

- Trả cho anh Nguyễn Quốc V số tiền $(16.200.000\text{đ} - 1.853.500 \text{ đ}) = 14.364.500\text{đồng}$;

- Trả cho anh Nguyễn Thắng L số tiền $(34.000.000\text{đ} - 4.175.000\text{đ}) = 29.825.000\text{đồng}$;

- Trả cho chị Nguyễn Thị Bích H số tiền $(126.000.000\text{đ} - 23.380.000\text{đ}) = 102.620.000 \text{ đồng}$;

- Trả cho chị Phạm Thị Kim T số tiền $(30.000.000\text{đ} - 3.340.000\text{đ}) = 26.660.000\text{đồng}$;

- Trả cho chị Hoàng Thị H số tiền $(12.000.000\text{đ} - 1.336.000\text{đ}) = 10.664.000\text{đồng}$;

- Trả cho anh Nguyễn Minh X số tiền (4.500.000đ – 501.000đ) = 3.999.000đồng;

- Trả cho bà Nguyễn Thị P1 số tiền (10.800.000đ – 1.002.000đ) = 9.798.000đồng.

Đối với chiếc điện thoại Iphone6 màu ghi bạc liên quan đến việc phạm tội của bị cáo cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng) quá trình điều tra xác định, là tiền hợp pháp của bà Hoàng Thị N không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo M, Cơ quan điều tra đã trả cho bà N là đúng quy định pháp luật.

[8]. Về án phí và các vấn đề khác:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền L nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 201; Điều 35; điểm s khoản 1 Điều 51; Bộ luật Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về “Án phí và lệ phí Tòa án”.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trịnh Công M phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trịnh Công M: 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Biện pháp tư pháp và vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Buộc chị Phạm Thị Kim T phải trả cho chị Vũ Thị Thanh P số tiền 40.000.000đồng. Anh Nguyễn Minh X phải trả cho chị Vũ Thị Thanh P số tiền 30.000.000đồng.

Buộc bị cáo Trịnh Công M phải trả cho :

- Anh Nguyễn Quốc V số tiền: 14.364.500đ (*Mười bốn triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm đồng*)

- Anh Nguyễn Thắng L số tiền: 29.825.000đ (*Hai mươi chín triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*)

- Chị Nguyễn Thị Bích H số tiền: 102.620.000 đ (*Một trăm linh hai triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng*)

- Chị Phạm Thị Kim T số tiền: 26.660.000đ; (*Hai mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*)

- Chị Hoàng Thị H số tiền: 10.664.000đ; (*Mười triệu, sáu trăm sáu mươi tư nghìn đồng*).

- Anh Nguyễn Minh X số tiền: 3.999.000đ (*Ba triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng*).

- Bà Nguyễn Thị P1 số tiền: 9.798.000đ (*Chín triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng*)

Truy thu của bị cáo Trịnh Công M: số tiền: 35.587.000đồng (*Ba mươi lăm triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước: 01 Chiếc điện thoại Iphone6 màu ghi bạc.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Trịnh Công M phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (có mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và vụ liên quan (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái.
- VKSND TP Yên Bái;
- Chi cục THADS TP Yên Bái.
- Trại giam; Công an TP Yên Bái;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái.
- Bị cáo,; NCQLNVLQ
- Lưu hồ sơ vụ án, TA, THA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền